

Lan Man Phố Thị (2)

Tác giả: Trần Minh

Kính tặng hương hồn cha tôi.

Con Gia dạo này thay đổi nhiều. Đi làm có đồng lương nhưng nó không nộp cho mẹ nó, vì nó bảo không đủ tiền quà, thuốc lá và son phấn. Đôi khi tụ tập chuyện gẫu với tụi con gái ở cùng phố, nó vẫn khoe là nó kiếm được khá tiền do thông đồng ăn cắp than và xăng dầu với bọn thủy thủ ở xà lan. Khẩu khí của nó bây giờ cũng khác, cứ mở mồm ra là có câu “đ. mẹ”, nó thường nói từ “đéo” thay cho từ “không”... Đối với một số con gái mới lớn thì con Gia là thần tượng. Con Gia thường oang oang kể những chuyện làm tình của nó với bọn thủy thủ đường sông và bốc vác ở bến Phà Đen với bọn con gái mới lớn này. Bọn con trai choai choai cũng rất thích những loại chuyện này của con Gia, nhưng chúng chỉ nghe lỏm hoặc qua kể lại. Có lần, một buổi tối, con Gia và mấy đứa con gái tụ tập ngồi chơi tán gẫu trước cửa nhà tôi, con Gia vừa phì phèo thuốc lá vừa kể:

- Nói thật với chúng mày nhé, tao biết mùi đời cách đây hai năm trước, bây giờ không có không chịu được. Con trai nhiều đứa trông thì to cao mà chơi thì yếu, mà mới cho vào nghí ngoáy được có vài cái đã xuất tinh... có khi mình chơi với một đứa mà còn sướng, còn đã hơn là chơi với cả chục đứa. Hiện nay tao đang yêu một thằng bốc vác, thằng này đi tù về, người đầy xăm trổ; nó không đẹp trai, da đen mà mặt lại sần sùi, người cao mà hơi gầy... nhưng từ trước tới giờ tao chưa thấy thằng nào chơi khỏe và sướng như thằng này. Của nó đã dài, chơi thì lại lâu... mà nó không bao giờ chơi kiểu úp thìa bình thường, toàn chơi kiểu chống mông như chó ấy hoặc kiểu “vác cây qua núi”, như nói gọi thế... tức là nó bắt tao gác hai chân lên vai nó, rồi nó đập xuống, có lần nó đập lâu quá làm cho tao chảy máu. Đi làm, tao cứ ngong ngóng nó, nó cứ vẫy tay là tao theo nó... hôm thì chơi ở sàn kho, lúc thì trên bao gạo, hôm thì trong chuồng xí... ừ, trong chuồng xí thì phải chơi đứng, chống mông. Nhưng thằng này cũng đều lắm, có kỳ nó chán tao, cả tháng cứ tỉnh bơ chẳng ngó ngang gì tới tao cả, mà tao thì người cứ như phát rồ mỗi khi thấy nó; chúng mày biết không, thì ra nó có tiền... nó toàn đi chơi “bóp”, đến khi hết tiền, cậu lại lên cơn cần, cậu lại gọi đến tao. Không ngờ nó đổ bệnh lậu cho tao. Nó đã hai lần đổ bệnh cho tao, tao phải đi tiêm, tốn bao nhiêu là tiền. Tao cũng hai lần phải đi nạo, đau lắm chúng mày ạ... người ta nong ra, dùng cái gì giống như cái thìa, nạo nghe sồn sột, đau kinh khủng, ra nhiều máu lắm. Chồng chị Từ tao là bác sĩ mà, chị tao phải nói với ông ấy để ông ấy giới thiệu cho vào bệnh viện. Có thai với nó đấy à? cũng chả biết nữa, vì tao còn chơi với nhiều đứa khác nữa chứ có phải mình nó đâu, nhưng bây giờ mỗi lần chơi với nó, tao đều lấy bao cao su nhét vào của nó, thỉnh thoảng tao nhồi thêm bông vào, cho nó thêm dài để càng sướng.

Lần ấy, tôi cũng tình cờ nghe lỏm được “chuyện tình” của con Gia. Câu chuyện kích thích trí tò mò, tình dục của tôi ghê lắm, song tôi không hề có một thèm muốn nào khi nhìn thấy con Gia. Nó đen đúa, mắt trố, da sần sùi, người cứng nhắc như đàn ông, nhưng vú thì to và xệ như đàn bà có con. Nó thường cố tình không mặc coóc-xê. Tôi vẫn thường tránh mặt để không phải trò chuyện với nó, vì tôi tởm nó từ khi nghe được câu chuyện nó kể. Là đứa con trai mới lớn, đàn bà đối với tôi vẫn còn là một điều rất kỳ bí và thiêng liêng: Tình yêu nam nữ là một đàn thơ chứ không bao giờ mang màu dâm ô, dung tục như của con Gia và tôi tự khẳng định rằng trong cuộc đời, mình phải tránh xa những loại đàn bà như vậy!

Thời kỳ 1973-1974, ông bà Nhân đã dựng vợ gả chồng cho hai đứa con đầu là chị Hậu và anh Từ. Chị Hậu lấy chồng làm bác sĩ; người cao lớn, trắng trẻo hiền lành, ít nói nên ông Nhân đặc ý lắm. Anh Từ sau khi tốt nghiệp được giữ lại trường Bách Khoa làm phụ giảng, anh lặn lội hơn về mặt duyên số, vì anh ta thấp lùn, da ngăm đen và sần sùi, nghiện thuốc lá, ăn nói lại lắp bắp vô duyên nên “tìm hiểu” cô nào cũng bị người ta chê. Anh ta cũng đã nản và thất vọng lắm thì may sao ông Nhân đã làm mối cho anh được một đám: Cô này là bác sĩ mới ra trường, là con nhà tiểu thương Hà Nội cũ. Cô thấp lùn và béo phịch phịch, mặt tròn xoe, ngón chân ngón tay ngắn thun lùn, da trắng nõn và tóc thì để dài tới eo lưng. Bỏ cô quen với ông Nhân nên hai người hẹn ước với nhau trước, ông Nhân hứa:

- Nếu nó lấy thằng Từ thì tôi sẽ xin cho nó làm việc ở bệnh Bạch Mai, tôi quen tay bí thư Đảng ủy ở đó mà... Cô này vừa tốt nghiệp, chưa nhận công tác vì nhà trường phân công cô đi Lai Châu, nay được làm ở Hà Nội thì nhất rồi: Sẽ chấm dứt đời đàn len gia công, không sổ gạo, không tem phiếu. Hai ông bố bố trí cho hai trẻ gặp nhau, rồi chúng đi xinê với nhau, đi công viên với nhau vài buổi... sau đó là ăn hỏi, nửa tháng sau là lễ cưới. Ông Nhân mượn hai phòng của trường tiểu học cạnh nhà làm nơi liên hoan tiệc ngọt: nước chè, thuốc lá, bánh kẹo... để mời khách “đại trà”. Ông mượn phòng học bên ngoài nhà ông để làm nơi liên hoan mặn. Hơn 60 mâm cỗ đủ vị: Thịt lợn, thịt gà, giò chả, măng miến, rươi... để mời gia quyến hai họ và bạn bè thân thích

của ông cũng như của cô dâu, chú rể. Ông sang nhà tôi đưa thiệp mời cha mẹ tôi dự cỗ cưới, ông khẩn khoản:

- Hai bác nhất thiết phải bớt chút thời gian sang ăn cơm mừng hai cháu đấy nhé, đây là con trai đầu, nên chúng tôi cũng phải cố.

Buổi trưa chủ nhật đó, sau khi ăn cỗ cưới về, cha tôi say rượu quá: mặt đỏ phừng phừng, đi loạng choạng. Người lảo đảo ngủ một giấc cho tới sáng hôm sau. Còn mẹ tôi thì cần nhằn:

- Gớm, họ uống rượu ghê quá, nói cười cứ oang oang, khói thuốc lá mù mịt, có mấy người lại còn nôn oẹ ngay vào mâm cỗ... tôi chưa từng thấy một cuộc ăn uống nào mà lại kinh khủng đến như thế, ăn ở đình đám ngày xưa cũng không đến nỗi ô tạp như vậy.

Cha tôi thì thùng thảng nhận xét:

- Liên hoan ở đâu bây giờ thì cũng như thế cả, ở trường tôi mỗi khi liên hoan tổng kết cuối năm, cái cảnh diễn ra cũng tương tự như cỗ cưới nhà ông Nhân hôm qua...

Ông Nhân dành căn phòng ngoài cho vợ chồng anh Từ. Căn phòng trong thì ông làm thêm một gác xép trải 2/3 diện tích phòng, để cải thiện chỗ ở cho gia đình.

Đám cưới anh Từ quả thật là rất to. Trước đó mấy ngày, ông Nhân mượn xe ô tô cơ quan về nhà quê chở ra 4 con lợn, 3 lồng gà; năm, bảy bao gạo; hơn chục can rượu loại hai chục lít và một lốc bà con ở làng đi cùng, vừa là dự cỗ cưới cậu Từ vừa làm nhân lực làm cỗ nhân thể. Sau “tuần trăng mật”, quả nhiên cô dâu có quyết định công tác về bệnh viện Bạch Mai. Hai vợ chồng đều công tác ở Hà Nội, thật là may mắn phúc đức; Trong lúc chiến trường miền nam, Lào, Campuchia vẫn còn dầu sôi lửa bỏng, thanh niên vẫn phải nhập ngũ ùn ùn.

Đám cưới của chị Hậu thì được tổ chức đơn giản hơn nhiều. Vì anh chồng của chị là con liệt sĩ, hiện chỉ còn một mẹ một con, nhà lại nghèo. Chỉ có liên hoan chè, thuốc lá, bánh kẹo, tuyên bố, phát biểu. Bạn bè cô dâu chú rể lên hát tặng mấy bài như “Bài ca hy vọng”, “Trường Sơn đông, Trường Sơn tây”, “Ngày hội bắn”... Sau cùng ông Giám đốc bệnh viện nơi chú rể công tác thay mặt nhà trai lên phát biểu bế mạc, sau khi đã đủ ba câu sau điều làm mọi người cười rữ rượi như ông đã pha trò ở bao đám cưới khác, ông nghiêm mặt căn dặn cô dâu chú rể: “Hãy đừng vì duyên mới mà quên nhiệm vụ...”. Một điển hình của đám cưới mà người ta vẫn thường gọi là “Đám cưới đời sống mới”. Có điều hơi khác với các “Đám cưới đời sống mới” khác là chị Hậu được bà Nhân hứa sẽ cho hồi môn đem về nhà chồng. Của hồi môn hứa hẹn đó là một cái dây chuyền vàng tây đáng giá ba chỉ, một cái nhẫn một chỉ rưỡi, một đôi bông tai đáng giá hai chỉ. Bây giờ nếu qui ra USD thì tổng giá trị của chúng vào khoảng 350 đô. Nhưng vào thời kỳ đó thì đây là cả một gia tài. Mỗi cái nhẫn đều phải có giấy chứng nhận đồ trang sức gia bảo, các đồ vàng này thường được chủ nhân của chúng đem giấu trong rương, trong hòm, hạn hữu lắm mới đem ra ngắm nghía hoặc chỉ dám đeo trong dịp cưới xin. Bà Nhân vẫn giống dả là bà sẽ cho cô con gái cả một số vốn khá khá để về nhà chồng. Vào hôm phát thiệp mời, tức là trước ngày cưới một tuần lễ, bà gọi chị Hậu vào rỉ tai cho biết số lượng hồi môn. Chị Hậu khắp khởi mừng thầm. Hôm cưới, theo lệnh bà, anh “phó nháy” đã chụp ba kiểu cho hai mẹ con bà lúc bà đeo dây chuyền, đeo hoa tai và ấn nhẫn vào ngón tay chị Hậu trước sự chứng kiến của bà con gia tộc hai họ. Mấy hôm sau, bà Nhân gọi chị Hậu tới thế thọt:

- Này, mẹ thấy nhà chồng con tuềnh toàng quá, mà phải rất cẩn thận không là mất vàng đấy, mà cũng phải đề phòng công an đến khám rồi thu mất... Vừa mất của, vừa phạm pháp thì khôn. Hay mà đưa hết số dây chuyền, hoa tai, nhẫn để mẹ giữ hộ cho? Khi nào sau này để con có cần đến thì hãy bán hoặc lúc đau ốm, có việc thì mẹ lại đưa cho.

Vâng theo gợi ý của mẹ, chị Hậu đưa hết số vàng đó cho bà Nhân giữ hộ. Về sau số vàng đó bị bà Nhân giữ riết, nhiều lần chị Hậu tỏ ý muốn xin lại nhưng đều bị bà khất lần khất nữa, đã vài lần mẹ con to tiếng với nhau. Khi chồng chị mắc bệnh lao, chị khóc lóc kể lể mãi bà mới đưa cho chị cái nhẫn. Số còn lại thì bà nói sẽ làm của hồi môn cho con Gia khi nó lấy chồng.

Ba năm sau, con Gia lấy chồng. Chồng nó đã từng đi tù, hiện làm bốc vác ở bến Phà Đen. Khi nó có thai được khoảng 3 tháng, anh rể nó không còn dám giới thiệu cho nó đi nạo như những lần trước, nó đành thú tội với bố mẹ nó. Ông Nhân giận lắm, nhưng bây giờ ông già yếu rồi, không thể đánh nó được nữa, ông phải đồng ý cho nó cưới nhưng không đứng ra tổ chức liên hoan cỗ bàn gì cả. Bến Phà Đen tổ chức liên hoan “đời sống mới” cho chúng nó, chỉ có bà Nhân và anh em nó đi dự, bố nó ngồi lý ở nhà uống rượu say, rồi lảo đảo ngủ. Lúc khuya, khi bà Nhân và lũ con đi dự đám cưới về, ông Nhân tỉnh rượu, hỏi:

- Thế nào? Hôm nay chúng nó tổ chức ra sao?
- Cô dâu, chú rể cũng oách ra phết. Thăng ấy cũng comlê, com táo đàng hoàng. Con Gia thì váy trắng 5 tầng, cũng đeo khăn voan... Mà con này ngu, không nịt bụng, váy lại thất eo nên trông bụng hơi

phườn. Liên hoan đời sống mới thì cũng giản dị, được... Nhưng sau đó chúng nó kéo nhau về nhà thằng ấy, ở dưới “xóm liều” Mai Động .. Chúng nó ăn cơm uống rượu, rồi mở cát sét nhạc “chất xanh” điếc cả tai, rồi nhảy nhót cứ như lũ rồ. Có những đứa cứ cầm cả chai rượu ngửa cổ lên tu, rồi chuyền tay nhau. Con gái cũng nhảy, cứ lác mông lác vú trông đến là tởm. Tôi cứ nghĩ may mà ông không có ở đấy...

Ông Nhân thở dài:

- Thôi thì bây giờ nó phải tự lo cho đời nó, con này sau này sẽ rất khổ, để hôm nào tôi xuống thăm chúng nó, có lẽ tuần sau... à này, bà có cho nó ít vàng để làm vốn không?
- Có, đáng lẽ tôi định chưa đưa, nhưng hôm qua nó cứ nỉ nèo mãi nên tôi cho nó cái dây chuyền với đôi hoa tai, để mấy hôm nữa tôi nói khéo bài nó đưa lại cho tôi giữ, chứ thằng chồng nó mà biết thì thể nào nó cũng lột... nghĩ cứ thương nó với lại cả thằng Đức nữa. Ông này, tuần sau đầu tháng tôi định đi thăm và tiếp tế cho thằng Đức đây...

Nhưng lần này với con Gia, sự việc diễn ra không giống như lần trước mà bà Nhân đã dự liệu: Con Gia cứ khát lần khát lữa không chịu đưa bà giữ số vàng mà bà đã cho nó. Khi bị bà thằng thúc quá, nó nói là nó đã đưa chồng nó giữ rồi. Bà tát cho nó hai cái, rồi chửi nó một trận đáo để. Bà lại đi hỏi chồng nó về số vàng trên, thằng này có vẻ ngạc nhiên, song vẫn gật đầu “vâng”, nhưng cương quyết từ chối đưa lại cho bà giữ. Nó về khảo vợ nó về số vàng “hồi môn” này và đánh con Gia thâm tím cả người. Đau quá, con Gia phải đưa nó đôi hoa tai để nó đi đánh bạc và hút thuốc phiện. Đến khi sống chung với thằng này, con Gia mới phát hiện ra chồng nó có tật ham đánh bạc và đã tập tọng đua đòi hút thuốc phiện, cũng là do nó hay tụ tập với bọn bạn tù cũ, lại như các cụ nói: “Ngưu tầm ngưu, thử tầm thử”.

Bà Nhân đau lắm, nhất là khi bà biết số vàng trên rớt cuộc rơi vào tay thằng rề bắt đắc dĩ, du thử du thực, để nó tiêu cho cờ bạc và thuốc phiện. Bảy tháng sau, khi con Gia sinh được đứa con gái; vì đói rách quá, nó lại quay về nhà bố mẹ để nằm “ăn vạ” để bố mẹ nó nuôi thì hàng xóm hay nghe bà chi chiết nó:

- Sự bố mày, bây giờ thì bán hoa tai với dây chuyền đi mà ăn, mà mua sữa cho con chứ lại còn vác mặt về đây đào gạch nhà tao lên mà ăn nữa hay sao? Đáng đời mày, đồ con gái thảo mai.

Dạo này ông Nhân sa sút nhanh quá. Đầu ông hói hết, dân ở phố nói kháy “lão ấy hói đến tận lưng”. Da ông nhăn nheo, mũi đỏ vằn lên những tia máu, chắc do ông hay uống rượu. Ông thỉnh thoảng sang chơi với cha tôi vào tầm 5-6 giờ chiều, trước khi ăn bữa tối. Đôi khi ông cầm cả chai rượu và gói lạc rang sang để mời cha tôi cùng nhấm nháp, song cha tôi luôn từ chối; lúc thù tiếp ông, cha tôi chỉ uống nước chè. Tối bữa cơm tối, Người nói với chúng tôi:

- Không phải là bố không uống được rượu, nhưng nếu uống với ông ấy vài chén thì ông ấy còn ngồi dai nữa, rồi rượu vào lời ra... bê tha lắm. Không uống cùng ông ấy là ngầm tỏ cho ông ấy biết bố không đồng tình với việc ông ấy mang rượu sang đây để uống.

Chúng tôi cũng gật đầu:

- Vâng, đúng, bố ạ.

Khẩu khí của ông Nhân dạo này nhuộm màu “bất mãn”. Vì cha tôi đã về hưu, có nhiều thời gian rỗi nên ông càng hay sang chơi. Có lần ông thủ thỉ:

- Mẹ, tội quyền chức bây giờ chỉ lo cho lợi ích cá nhân... để lên lương, lên chức, để cho con cái đi tây và có chỗ làm béo bở ở Hà Nội, chúng nó không từ một thù đoạn nào. Trước tôi vẫn ngây thơ tin vào tình đồng chí, đồng đội mà vô tư giúp đỡ nhau, gần đây bị mấy vố... ”tình ngộ” ông ạ. Tôi dạo này yếu lắm, hai tháng nữa thì có quyết định về hưu, tôi 62 rồi mà... không bằng cấp, không qua đào tạo mà còn ngồi được đến bây giờ cũng là thọ rồi. Chỉ còn mấy đứa nhỏ là chưa yên tâm, cuối năm nay tôi cưới vợ cho thằng Phúc. Sau khi tốt nghiệp, nó được điều về Cục Cảnh sát kinh tế của Bộ. Vợ sắp cưới của nó là con một ông giáo, nhà cũng nghèo thôi, nó vừa tốt nghiệp Đại học Ngoại thương, còn chưa được nhận phân công công tác nhưng tôi đã xin cho nó về Sở Hải quan Hà Nội, họ đã nhận rồi.
- Ông còn chạy chọt được, chứ tôi thì chịu thôi. Có muốn “chạy” cũng chẳng biết “chạy” với ai. Thôi thì kệ chúng nó, đời cua cua máy, đời cáy cáy đào.
- Con ông chúng nó ngoan, lại thông minh, sau này thế nào cũng sẽ khá, con nhà nòi mà... ha ha. Họ nhà tôi, bây giờ đến đời chúng nó mới có đứa là kỹ sư, bác sĩ, giảng sư... nên tôi phải cố cho chúng nó. Mỗi khi ngoi lên được một nấc trong bậc thang xã hội là khó lắm ông ạ. Tôi mà là thứ trưởng thì thế nào cũng phải lo được cho ít nhất hai đứa đi Tây học. Sắp tới tôi cố xin cho thằng út, thằng Lộc ấy, đi

lao động xuất khẩu rồi mới nhắm được mắt. Thành này rất ngoan, tính thỏ thẻ y như con gái ấy, nhưng phải cái học dốt quá...

- Nói thực với ông, lũ con tôi chả bao giờ mở mày mở mặt được đâu, thành phần nhà tôi thì ai người ta cho chúng nó vào Đảng, mà không có Đảng thì đến chức trưởng phòng cũng đừng có mơ, chứ đừng nói tới đi tây đi tàu làm gì.

Năm 1975, vui trong niềm vui vĩ đại của giải phóng Miền nam và thống nhất đất nước, một giấc mơ tưởng chừng như là điều không tưởng. Từ nay chấm dứt chiến tranh, chết chóc, khổ đau... Dân tộc ta sẽ xây dựng lại đất nước, rồi sẽ giàu đẹp như Liên Xô, Đông Đức, Tiệp Khắc... Anh em phe xã hội chủ nghĩa dốc sức vào giúp đỡ nhau thì mấy nổi! Trong dịp này, thằng Đức được thả. Ba đưa con lớn của ông bà Nhân đã lấy vợ lấy chồng, công việc đã ổn định, được phân căn hộ tập thể nên chúng dọn đi, không ở cùng ông bà nữa. Trong căn nhà bây giờ chỉ còn hai ông bà, thằng Đức và thằng Lộc. Thằng Đức vừa về được mấy tháng thì thằng Lộc đã đi lao động xuất khẩu ở Tiệp Khắc, vậy là ông Nhân đã đạt được tiêu chí như ông đã nói rồi. Thằng Đức dạo này béo lắm, mẹ nó hể hả:

- Thằng Đức đi trại nhưng mà sướng, làm trưởng buồng, không phải lao động mà chỉ đôn đốc kỷ luật, lại được đàn em cung phụng nên béo trắng ra.

Nhưng nhìn kỹ thì cái béo của nó có vẻ không bình thường; nhất là mu bàn chân cứ múp lên, tím ngắt, ấn ngón tay xuống tạo thành vết lõm nên có người bảo là nó chớm phù. Nó xăm trổ đầy người, ở hai cổ chân nó là hình một bàn tay chặt đứt vòng dây xích. Giữa ngực là hình Phật bà Quán âm đang rẽ sóng bước đi, trên đầu có tỏa hào quang, dưới chân bà Phật là dòng chữ "Hận đời tù ngục": sau lưng nó là hình một con đại bàng giang cánh bay, cắp một con thỏ dưới chân. Bọn nhóc mới lớn và vô công rồi nghề vầy lấy nó về trầm trồ, đưa thuốc lá mời nó hút và nghe nó kể chuyện. Đôi khi nó hạ cổ cời trần ra cho lũ này ngắm nghía các hình xăm. Nó giải thích là những hình xăm đó nó xăm ở trại cải tạo. Phật bà sẽ phù hộ cho nó, chặt đứt tất cả các xiềng xích tù đầy của nó, từ nay nó không bao giờ bị sa lưới nữa. Có khi nó giơ chân đạp thẳng cánh vào một thằng nào đó, làm thằng này ngã bở chửng, vì đã dám có những câu hỏi xác xược hoặc ngờ ngẩn. Bây giờ cứ mờ mờ nói là nó luôn đệm bằng những câu "đ. mẹ" và "đéo", kể cả với bố mẹ nó. Ông Nhân hầu như không bao giờ nói với nó nữa. Hai bố con ít khi chạm mặt nhau vì nó đi suốt cả ngày, không ăn trưa ở nhà, thỉnh thoảng mới về ăn tối. Ông than thở với cha tôi:

- Trong tất cả lũ con tôi yêu nó nhất, hồi bé nó xinh và ngoan lắm ông ạ. Tôi đặt nhiều hy vọng vào nó nhất, nó mà học hành tử tế như mấy thằng anh nó thì tôi không tiếc nó thứ gì..

Ông ứa nước mắt, rồi mặc kệ cho hai dòng nước mắt chảy dài xuống má, ông nói tiếp:

- Thế mà nó phụ công tôi với mẹ nó, ông có biết không? nó mắc giang mai rồi, hôm nọ anh rể đưa nó đi khám, họ đã kết luận vậy đấy; mà nó lại tụ tập với bọn vào tù ra tội, cứ đi tội ngày.. Hôm nọ thằng Từ, anh nó, hỏi nó "thế mày quý lũ bạn tù tội của mày hơn bố mẹ à?" nó thản nhiên "ừ". Thà như thế nó chết quách đi, tôi và bà ấy còn đỡ khổ, chứ cứ nhìn thấy nó tôi vừa giận vừa thương đến đau đứt cả ruột.
- Là bố nó, bác phải biết các biểu hiện khác thường của nó mà ngăn chặn, giáo dục ngay từ lúc đầu chứ?
- Vì con đàn mà, tôi cũng bận việc cơ quan nên không để ý đến từng đứa được, thằng này khác các đứa kia là hồi nhỏ rất thích đọc tiểu thuyết vì hiệp của Tàu. Quan Công, Trương Phi, Triệu Tử Long... là thần tượng của nó. Thế giới của nó là vì hiệp Tàu, nó không thích đi học. Đi học thì cứ xé sách, bẻ ngòi bút... lúc bị tra hỏi thì cứ nói dối lý do này nọ; rồi từ chán học đến bỏ học, đến tụ tập bạn bè, đến hút thuốc lá, đến đánh nhau, trộm cắp... chặc.

Về nhà được nửa năm thì thằng Đức lại bị bắt. Lần này nó cướp giật và đâm bị thương một người buôn thịt lợn ở gần chợ cầu Long Biên vào lúc 6 giờ sáng để cướp tiền và cái xe đạp thồ của anh ta. Nó theo dõi anh này khi anh ta đem thịt lợn đến giao cho một quầy thịt ở chợ Long Biên, rồi nhận tiền của chủ quầy. Khi anh đạp xe thồ trên đường quay về nhà ở bên Gia Lâm để đi ngủ, vì cánh "ba toa" thường thức suốt đêm mổ lợn để kịp giao hàng lúc sáng sớm, thì bị thằng Đức dùng dao nhọn đâm từ sau lưng. Nó cướp bọc tiền trong bụng anh và nhảy lên chiếc xe thồ của anh, phóng bạt mạng xuống làng Vĩnh Tuy, vào nhà thằng một bạn tù của nó. Sau khi đã giấu kỹ chiếc xe đạp, hai thằng rủ nhau ra chợ nhắm tiết canh, lòng lợn. Ba ngày sau, thằng Đức bị bắt ở gần cầu Long Biên. Khi nó đã tiêu hết tiền của vụ cướp, nó mon men trở lại địa bàn cũ, tính làm một cú nữa mà không hề biết nó đã bị nhận diện khi anh buôn thịt và công an đã bí mật phát lệnh truy nã nó. Lần này nó bị kết án 7 năm tù.

Đi tù được nửa năm thì người ta báo là thằng Đức đã bị chết đột ngột vì đau tim. Ông bà Nhân mua một cỗ áo quán, thuê một chuyến xe lên trại tù Thanh Hóa để đưa xác nó về. Về quê, trước lúc hạ huyệt thằng Đức, ông vừa khóc vừa nói với các con về căn phẫn:

- Nó bị tui đầu gối dí cái que đũa vào lỗ tai rồi dùng lòng bàn tay đóng mạnh... giữa lúc nó đang ngủ, chúng nó hay thanh toán nhau theo kiểu ấy.

Ông Nhân dạo này trông như người ốm nặng. Ông uống rượu càng tợn, mắt và mũi lúc nào cũng đỏ rực. Quần áo xộc xệch. Người ông thường toát ra cái mùi chua của mồ hôi, mùi nước tiểu và mùi rượu. Bà Nhân đôi lúc phàn nàn, kêu ca về cái hiện trạng bê tha của ông thì ông chặc lưỡi khẽ nói:

- Sắp chết rồi, kệ mẹ nó, để ý làm gì.. ..

Vợ chồng anh Từ trở về sống với ông bà Nhân để chăm sóc bố mẹ và để cho nhà đỡ hiu quạnh. Ông Nhân cũng phần nào hồi phục. Trang phục của ông khi ra ngoài đã thấy gọn gàng hơn. Bây giờ ông chỉ uống rượu về tối, song uống khá nhiều, mỗi tối gần hết chai nửa lít loại “quốc lủi cấm tằm”. Một điều đổi mới trong gia đình ông là bà Nhân đã làm một bộ thờ tam cấp khá uy nghi: Cao nhất là tượng Phật bà, rồi tới ảnh các vị áo the khăn xếp, quân phục với huy chương đầy ngực, đại cán, com lê... Thấp nhất là ảnh thằng Đức mặc sơ mi trắng. Dưới mỗi cái ảnh là một bát hương. Bộ thờ phủ vải điều, bên trong có đèn nhấp nháy, lúc nào cũng có hương thắp. Trên nóc tủ thì vẫn là ảnh Bác Hồ, bên dưới có hàng chữ “Đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến” rồi tới bằng “Gia đình về vang”, chứng nhận huân chương, gia đình liệt sĩ v...v... ông Nhân phân trần với cha tôi:

- Nội qui của Đảng cấm thờ cúng, nhưng nay tôi đã về hưu rồi. Tụi bạn bây giờ đưa nào cũng lập bàn thờ, chúng nó là để kính trọng tổ tiên, cũng đúng thôi! Từ dạo có cái bàn thờ, tôi cũng đỡ những cơn ác mộng. Phải cái, bà nhà tôi dạo này hay đi lễ đền lễ chùa, lại còn xem bói xem toán, tôi bực lắm... Ngày trước mình cấm tiết thì không sao, bây giờ nhượng bộ cho một tí thì được đảng chân lân đảng đầu.

Trước kia nhà ông không thờ cúng gì hết, nay thì một năm cũng mười kỳ hương khói. Có điều, vào những dịp đó, ông Nhân hay làm thịt cây mà ông mời mấy ông bạn chiến hữu cú tới liên hoan đánh chén, trong số đó vẫn luôn có mặt ông Thụy- Giám đốc Sở Hải quan, nay đã về hưu và ông Luyện hiện là Thứ trưởng Bộ Nội vụ. Có vài lần bà Nhân cản nhắc thì bị ông vặc lại:

- Bà thích thịt gà, thịt lợn, măng mọc... thì bà cứ làm, bà và các con ăn. Riêng chúng tôi, chúng tôi chỉ thích cây tờ thì kệ chúng tôi, các cụ nhà tôi ai cũng thích món này cả... Còn bà chẳng thích bày lên bàn thờ thì thôi.

Bà Nhân có lần tâm sự với mẹ tôi:

- Tôi hay đi lễ và xin thẻ ở chùa Hai Bà, thiêng lắm bà ạ, Ngài phán nhà tôi hiện nay có trùng làm tôi lo quá, từ khi chú Đô hy sinh, năm nào nhà tôi cũng có người chết, vừa rồi là thằng Đức, không biết sắp tới là ai đây? Tôi phải xin Ngài lá bùa đem yểm ở trong nhà, cũng tốn kém lắm... Nhưng cũng yên tâm phần nào; Ai ngờ hôm nọ ông ấy mở tủ quần áo, ông ấy hỏi:”Cái gì thế này, giấy gì mà vẽ xanh vẽ đỏ với lại mấy cái chữ Tàu thế này? Tôi bảo: “Kệ nó, nó ở đâu cứ để nguyên đấy, không việc gì đến ông”. Thế mà ông ấy xé vứt đi, có chết không cơ chứ. Tôi phải đi lễ tạ. Dạo này ông ấy hay mộng mị, nửa đêm bật dậy hét ầm lên, không ngủ được lại đi lấy chai rượu ra uống...

Càng uống rượu ông Nhân càng trở nên lơ đãng và hoang tưởng; một lần ông hỏi cha tôi:

- Theo ông, chết là hết hay còn có hồn ma, hồn miéc không?
- Thực tôi cũng chưa bao giờ thấy hồn ma, bóng quỷ cả, đó là tinh thần của chủ nghĩa duy vật. Song nhiều người vẫn tin là có Trời, thần thánh, ma quỷ... Chính đức tin đó làm người ta tin tưởng vào cuộc sống, xoa dịu các nạn đề và đau khổ về tâm linh của người ta. Đó là chủ nghĩa duy tâm, cơ sở của mọi tôn giáo. Tôn giáo nào cũng khuyên người ta làm lành lánh dữ, nếu những điều ác ta làm ở đời này thì linh hồn sẽ bị phán xét, bị sa hỏa ngục hoặc chịu kiếp sau khổ... điều đó có thực hay không? không ai chứng minh được nhưng những người duy tâm tin vậy,
- Nay, người ta phân ra hai loại người: duy tâm và duy vật. Cộng sản chúng tôi là người duy vật chứ gì? Vậy tại sao trong số đó vẫn có rất nhiều người tin vào Trời, Phật, kiếp sau... hay không luôn luôn dẫn vật tôi, nhất là mấy năm gần đây.
- Thực ra không có ai là hoàn toàn duy vật hoặc hoàn toàn duy tâm 100%, người duy tâm thì nói Thượng đế đã đặt để lương tâm trong đầu chúng ta để nhắc nhở chúng ta mỗi khi phạm tội, để cho chúng ta có tình yêu, cho chúng ta được bình an và thăng bằng trong đời sống cộng đồng. Đó, như ông nói, có nhiều người vỗ ngực tự xưng là người duy vật nhưng ở nơi riêng tư thì họ lại vẫn thờ cúng, lễ bái: ngược lại, ở phương Tây, có biết bao nhà bác học, kỹ thuật gia vẫn công khai tuyên bố họ tin vào Thượng đế.

Ngày mùng ba Tết nguyên đán 1978, như mọi năm cúng tiễn “ông Công, ông Táo” về trời, ông Nhân lại ngã một con cây tơ để mời các chiến hữu liên hoan lúc năm giờ chiều. Ông và năm ông chiến hữu đóng kín cửa để kín đáo trò chuyện và đánh chén bên trong. Lúc đầu còn thì thầm, nhỏ nhẹ nhưng ba mươi phút sau, khi rượu đã ngấm, thì gia đình đã nghe thấy nhiều tiếng nói to, tiếng cười ha hả. Rồi đột nhiên có tiếng kêu thất thanh, các ông chiến hữu chạy ra nói với gia đình ông là đang lúc vui chuyện, sau khi cạn xong chén rượu, đột nhiên ông Nhân gục xuống bàn và bất tỉnh. Ông Nhân lập tức được đưa đi cấp cứu ở Bệnh viện Hữu nghị Việt Xô, nhưng ngay ở phòng cấp cứu người ta khám thấy ông đã tắt thở rồi. Họ nói ông bị “đứt mạch máu não”. Ông thọ 66 tuổi “tây” và 67 tuổi “ta”, tức là ông sinh năm 1912. Áo quan ông được quản tại Hội trường Bộ Nội vụ. Cơ quan làm lễ tang cho ông. Gia quyến ông mặc áo đen, áo xô trắng đứng ở hai bên áo quan để bắt tay và khóc lóc với những người đến viếng. Trong số những người túc trực bên áo quan ông Nhân có cả những đồng chí, chiến hữu của ông; một số mặc complet, một số mặc đại cán, một số mặc quân phục hoặc đồng phục cảnh sát với đầy đủ quân hàm, quân hiệu và đeo huân, huy chương đầy ngực. Mỗi người đến viếng đều qua Ban tiếp đón ở ngoài cửa để nói họ tên, chức vụ, quan hệ thế nào với người chết và sau đó được hai anh công an dẫn đến trước áo quan: được đặt dưới quốc kỳ và ảnh Bác, được bao quanh bởi mấy chục vòng hoa. Người viếng cúi đầu mặc niệm ông Nhân một vài phút sau đó đi vòng quanh áo quan để chào gia đình ông.

Khi đoàn xe tang khởi hành, bà Nhân đề nghị đi qua nhà và dừng chờ ít phút để bà con hàng phố tống tiễn ông một đoạn. Ông trưởng ban tang lễ đồng ý. Đoàn xe dừng ở trước cửa nhà ông Nhân. Bà Nhân chạy vào nhà lấy một tờ giấy đỏ vẽ hình loẵng ngoẵng và các chữ Tàu, đem ra dán lên nắp áo quan. Ông trưởng ban tang lễ và một số người toan phản đối thì bà gạt đi

- Không sao đâu, các ông trước khi hạ huyệt cứ phủ quốc kỳ lên, cái này để cho gia đình chúng tôi yên tâm vì nhà tôi có trùng, mấy năm nay năm nào cũng có người chết, năm ngoái là thằng Đức, bây giờ là ông ấy... huhu

Việc ông Nhân chết đột ngột như vậy là dịp để bà con dân phố đàm tiếu trong ngày đưa tang ông “lão ấy chết sướng, vợ con không phải hầu ngày nào, chứ đứt mạch máu hoặc đột quy, nằm liệt giường hàng năm thì còn khốn nạn nữa...”, “nhà ấy có trùng, không biết năm tới là ai đây”, “vợ chồng lão cũng chỉ là loại nhà quê mất toét ra tinht bây giờ con cái cũng kỹ sư, bác sỹ nhênh nhang là khá lắm rồi. Nhà mình dân Hà Nội chính cống các cụ toàn là ông Tham, ông Phán mà bây giờ sa sút khốn đốn... Chậc”

Ông Nhân là người đã gây cho tôi những ấn tượng rất khó quên mà trong suốt thời niên thiếu. Những điều tôi kể ở đây là những gợi nhớ từ ký ức về ông mà tôi đã nghe, đã thấy hoặc cha mẹ tôi nói lại. Có thể các bạn bè, chiến hữu của ông sẽ có trong ký ức một hình ảnh khác về ông. Tôi chưa bao giờ quên được cái kiểu cười của ông, tôi chưa thấy ai có được kiểu cười đó: khi ông cười, mắt ông mở to và sáng quắc, miệng ông há to, phát ra những tiếng haha thật sảng khoái và vô tư; nhưng lại không hề lôi kéo người nghe xung quanh cười theo mà tạo cho họ ấn tượng đề phòng và sự khó chịu. Khi tôi đọc vở kịch Mac-beth của Shakespeare, trong đó có câu “trong mỗi nụ cười của thiên hạ đều có gươm có giáo” thì lập tức tôi liên tưởng ngay tới cái cười của ông Nhân.

Bà Nhân dạo này chăm đi lễ bái, xem bói. Bà sắm một bộ áo dài, khăn xếp màu vàng và nhập hội “ái nữ thánh Trần” của đền Ngọc Sơn. Hội này toàn các bà các cô tuổi đã sồn sồn, hầu hết là dân buôn chợ Đồng Xuân. Họ tụ tập trong hội để tập hát, tập đi, tập múa... phục vụ cho các dịp cúng rằm hoặc lễ lạc ở đền Ngọc Sơn; hầu việc Thánh để xin ngài ban phúc, ban lộc cho làm ăn buôn bán và bình yên cho cả gia đình. Hầu việc xong, ai đi đường nấy, việc ai người ấy làm... vẫn tiếp tục buôn gian bán lận, cờ bạc, chửi nhau xoe xoe, mọi việc đã có ngài giúp đỡ rồi, suy nghĩ làm gì nhiều cho mệt. Bà Nhân dán nhiều lá bùa trong nhà: mỗi cửa một cái, giường, tủ, trần nhà đều có bùa “như thế cho quỷ nó không xâm nhập được, nơi nào nó định đột nhập đều có Ngài trấn giữ. Hôm nọ tôi thấy ông ấy với thằng Đức về nhà mà cứ nắm tay nhau đứng ngoài cửa, quần áo rách rưới, trông có vẻ đói khát lắm mà không tài nào bước vào nhà được. Tôi hỏi thầy thì thầy nói thế mới tốt: Xưa nó còn sống thì nó là người thân của mình, bây giờ nó chết nó là quỷ rồi. Vì bùa của ngài thiêng, trấn không cho chúng nó vào. Chúng nó mà vào nhà thì quấy phá dữ lắm, lại còn bắt người đi theo hầu chúng nó nữa ấy chứ. Mà thằng Từ nhà tôi cũng mộng thấy y hệt như thế. Thế có thiêng không chứ? bà Nhân kể với mẹ tôi về ủ rũ pha chút hể hả.

Sau khi ông Nhân chết được mấy tháng, vợ chồng anh Phúc chuyển về ở cùng với bà Nhân. Bà Nhân nói

- Bây giờ ông nhà tôi mất rồi, vợ chồng nó về ở cùng cho đỡ hiu quạnh, cũng là thêm người để săn sóc tôi”

Ghé tai mẹ tôi, bà nói nhỏ

- chúng nó cứ sợ sau khi tôi chết thì vợ chồng thằng Từ sẽ chiếm hết phần nhà này

Vợ chồng anh Từ và anh Phúc vẫn giữ nguyên căn hộ tập thể mà họ được cơ quan phân cho, vậy là họ trong cảnh một chốn, đôi nơi. Mấy năm sau thằng Lộc đi lao động xuất khẩu ở Tiệp Khắc trở về, nó ở cùng với bà Nhân chung một phòng. Vậy là diện tích bây giờ được chia làm 3 phần. Như người ta thường nói “trâu bò ở với nhau lâu trở nên thân thiện, còn con người ở chung với nhau lâu thành lục đục”. Trước kia hồi còn bé thì yêu thương nhau, bây giờ trưởng thành, có vợ có con “kiến già nhất phận”. Xích mích cãi cọ cứ xảy ra luôn, nhất là giữa nhà anh Từ và nhà anh Phúc. Gia đình phải họp lại để giải quyết, rồi họ cùng nhất trí được với nhau về vấn đề “chủ quyền diện tích”. Như vậy từ nay hình thành thế Tam quốc. Anh Từ và anh Phúc xây, sửa, coi nói, lên tầng trên cái diện tích mặt bằng của mỗi cái nhà chỉ khoảng 24-25m². Bà Nhân vợ thằng Lộc thì ở phòng rộng nhất, khoảng 28m², nhưng không thể coi nói, lên tầng được vì phòng này thuộc ngôi nhà chính; tầng trên là nhà ông Phát rồi. Bây giờ thì họ chỉ còn chung nhau cái lối đi. Hai cô con dâu có đối diện nhau thì cũng ngoảnh mặt đi chẳng hề chào hỏi, như hai người đứng ở ngoài đường vậy.

Năm 1997, khi tôi về thăm lại khu phố này thì vợ chồng anh Từ bây giờ không còn là cán bộ nhà nước nữa. Họ về hưu do chính sách giảm biên chế của Nhà nước trong thập kỷ 90. Bây giờ họ mở hiệu đánh máy chữ và photocopy “cũng khá, còn hơn đi làm nhà nước nhiều, mình lại tự do, đỡ đau đầu về những chuyện đấu đá, lương lậu” anh Từ trả lời khi tôi hỏi thăm. Tôi hỏi thăm về gia đình anh Phúc, anh Từ nhếch mép

- cô chú ấy thì ung dung rồi, chứ không vất vả như tụi tôi. Chồng cảnh sát kinh tế, vợ hải quan mà. Tụi nó khá lắm, nhà không thiếu thứ gì, lại đang xây nhà trên Nghi Tàm để làm văn phòng và cho thuê. Mẹ tôi vẫn khỏe, cái khỏe của người già ấy mà... hà hà”.

Năm 1998, bà Hậu qua đời vì một tai nạn hi hữu. Một hôm đi chợ bà mua được mẻ cá rô đồng. Về nhà bà cặm cụi đánh vẩy, mổ cá rồi nấu nồi canh cá rô rau cải. Cả nhà xì xụp vừa ăn vừa tấm tắc khen ngon vì cá rô đồng, cũng như canh cua đồng, bây giờ hiếm lắm do nông dân dùng ngày càng nhiều phân bón và thuốc trừ sâu hóa học nên các loài tôm, cua, cá sống trong ruộng lúa nước đang bị tiết chủng. Ngày hôm sau, bàn tay trái của bà sưng vù, đỏ tím. Đến đêm thì sốt cao mê sảng. Các con gọi xe cấp cứu đưa bà vào bệnh viện Bạch Mai. Bác sĩ nói bà bị uốn ván do lúc làm cá bị vây trên lưng cá đâm vào ngón tay truyền vi trùng uốn ván (loại vi trùng này sống trong bùn). Lúc bà đến bệnh viện thì đã quá muộn. Sau hai ngày nằm viện, bà qua đời.

Trong đám tang bà các con khóc lóc thảm thiết, nhất là mấy chị con gái. Họ ôm áo quan bà không cho khênh ra xe tang. Chị Hiền nấc lên

- sao mẹ đi nhanh quá như thế để chúng con không được một ngày chăm sóc.

Bà con dân phố đi tống tiễn nhiều người ngậm ngùi lau nước mắt. Sau cái chết của vợ, ông Cư thay đổi tâm tính: Thay vì ngồi trước cửa nhà với ấm trà hóng phố, ông đi lang thang dọc hè phố nhặt lá đá ông bợ, ngồi gốc cây bắt kiến. Chỉ vợ chồng anh Cừ nuôi ông. Vợ anh kể với dân phố

- cụ lú lẫn quá rồi, ị ra rồi tay trát lên tường và bốc ăn.

Năm 2000, ông qua đời. Trong đám tang ông con cái không ai than khóc, chỉ làm lủi đi sau xe tang.

Thời kỳ học Đại học tôi có mặc cảm về thành phần xuất thân của mình. Trong xã hội Việt Nam nhiều cánh cửa đóng lại với tôi, dù tôi có cố gắng đến đâu đi chăng nữa. Đó là những công việc yêu cầu mọi nhân viên phải là đảng viên cộng sản. Khi làm việc ở một viện nghiên cứu thực nghiệm trong thập niên 1970, tôi có điều kiện tiếp xúc/làm việc với các kỹ sư chuyên gia Liên Xô, họ hầu hết là người gốc Do Thái. Về ngoại hình thì họ không khác gì người Nga gốc Slave, tên cũng là Slave (Evan, Igor, Vladimir, Natasha...) nhưng họ và tên đệm thì gốc Hebrew (Benjamin, Volfivic, Abramovic, Solomonov, Yacoblev...). Trong giấy khai sinh cha mẹ họ phải khai ra là dân tộc Do Thái. Ở nước Nga, từ thời Sa hoàng cho tới chế độ Xô Viết hiện nay, người Do thái không được sở hữu ruộng đất, không được làm các nghề cảnh sát, sĩ quan quân đội, viên chức nhà nước, linh mục... Họ sống ở thành thị và làm trong ngành dịch vụ như buôn bán nhỏ, cắt tóc, làm bánh, mở tiệm ăn, bác sỹ, kỹ sư, nhà văn... hầu hết người Do thái không được kết nạp Đảng cộng sản. Những người mà tôi tiếp xúc là những kỹ sư, họ tình nguyện ra nước ngoài là để kiếm việc làm và “nâng cấp” lý lịch của mình. Tôi có một vài người bạn gốc Do thái. Một chiều trong lúc uống trà sau giờ làm việc, tôi nói

- Người Do thái được tiếng là có trí thức cao, nhiều danh nhân thế giới là Do thái. Kinh thánh Cựu ước nói rằng người Do thái là tuyển dân của Chúa?

- Cả Mỹ và Liên xô đều có những nghiên cứu về trí thông minh của người Do thái ở lứa tuổi học sinh. Chỉ số IQ của họ cũng bình thường như các trẻ dân tộc khác. Người Do thái là một dân đặc biệt. Chúng tôi có nguồn gốc là một gia đình 12 anh em trai, con của Jacop (Israel). Người con thứ 11 Joseph khi đó làm thủ tướng Ai cập đã đưa gia đình của 11 anh em trai mình sang định cư ở Ai cập. 10 thế kỷ sau, gia đình Israel đã lên tới 1 triệu người. Hầu hết dân Do thái là nô lệ, họ bị dân Ai cập kỳ thị rất nặng. Moshe tiến hành chiến dịch “để cho dân tôi đi” dẫn dắt dân Do thái ra khỏi nhà nô lệ Ai cập tới định cư ở miền đất Israael hiện nay với thủ phủ là Jerusalem. Khoảng 50 năm sau công nguyên, đế quốc La mã tàn phá Jerusalem và trục xuất dân Do thái. Từ đó dân này mất nước, họ lưu lạc khắp thế giới. Khi đế quốc La mã tan rã, dân A rập tràn vào Israael. Ở đây người Do thái cũng bị kỳ thị, áp bức, bắt bớ. Dân Châu Âu, đa số là Cơ đốc giáo, thì nói họ ghét người Do thái vì dân Do thái giết Chúa Jesus và bắt bớ, bức hại các môn đồ của Người, mà đỉnh điểm của cuộc tàn sát diệt chủng người Do thái là xuất phát từ tính ghen ghét, đố kỵ của con người!

Một người khác nói

- Cha ông chúng tôi giáo dục con cái là chúng tôi phải thấm thía thân phận ăn nhờ ở đậu nơi đất khách quê người và bị kỳ thị, áp bức. Để sống được chúng tôi phải làm việc gấp 2 gấp 3 lần dân bản địa. Cũng không được phép ăn chơi, rượu chè, cờ bạc...”

Cuộc trò chuyện này gây cho tôi ấn tượng sâu sắc trong nhiều năm sau. Tôi không còn mặc cảm về thân phận giai cấp của mình nữa. Tôi tìm được hứng khởi và niềm tin cuộc sống qua ngoi bút và vui thỏa: Tôi có một bầu trời!

Những năm thập niên 1980-1990 nhiều nhà sở hữu tư nhân ở khu phố tôi được bán đi. Những ngôi nhà 2 hoặc 3 tầng, kết cấu tường gạch chịu lực hầu như không có bê tông, vữa xây trát là xi măng-vôi-cát (hồi đó xi măng cao nhất chỉ là 150 và giá đất). Xà - dầm là gỗ lim, trần là khun tre trát toóc-xi vôi-rơm, mái nhà hoặc sân thượng lát gạch. Qua 50 năm, những ngôi nhà này xuống cấp, giột nát-mọt ruỗng. Dân phố trầm trở về những người mua nhà “bạn này làm gì mà có tiền thế nhỉ?”. Người mua đập bỏ hết ngôi nhà cũ, xây nên những building 6-8 tầng với tầng ngầm để xe; Những cao ốc mới xây này là bê tông cốt thép: móng bê, cột-khung chịu lực. Những năm thập kỷ 1950-1960 khu phố chúng tôi là vùng đệm giữa phố cổ và ngoại ô, nay đã trở thành phố cổ. Những tòa nhà mới xây bê tông-kính hoành tráng đó được dùng làm khách sạn, văn phòng cho thuê, chung cư cho người nước ngoài thuê ở... xen lẫn những ngôi nhà cổ rêu phong cũ kỹ tạo nên một cảnh quan đô thị chắp vá. Những anh, chị họ của tôi định cư ở nước ngoài về thăm Việt Nam nhận xét: Khu vực 36 phố cổ còn cũ nát, xuống cấp nghiêm trọng hơn. Có nhiều ngôi nhà đã hơn 100 năm tuổi. Chúng tôi nghe nói chính phủ có kế hoạch giãn dân khỏi phố cổ, nhưng lấy đâu ra kinh phí. Những nhà cũ nát như thế này ở Âu-Mỹ đã bị giải tỏa, dỡ bỏ rồi. Trong tương lai gần hàng loạt ngôi nhà sẽ sụp đổ, đặc biệt là trong mùa mưa bão!

Lời tiên đoán này nghe hữu lý nhưng tôi tự nhủ hãy chờ đợi xem tương lai khu phố cổ Hà nội sẽ ra sao? Trong thời gian chờ đợi thì tôi hứng khởi ôn cố tri tân, cố mô tả một bức tranh tản mạn về những con người của khu phố này trong 50 năm qua. Liệu có mua vui được vài trống canh?

Trần Minh